TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN** BL **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày 02-4-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL**, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thọ

Bà Triệu Thị Múi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện *BL****, tỉnh Cao Bằngtham gia phiên tòa:*** Ông Bế Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nông Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16 tháng 7 năm 1985 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm NC, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Q và bà Triệu Thị Đ; vợ: Mông Thị B; con: 01 con, sinh năm 2008; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 8/11/2019, bị Công an huyện BL xử phạt hành chính theo Quyết định số: 106/QĐ-XPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, phạt tiền 750.000 đồng; Ngày 06/10/2020, bị Uỷ ban nhân dân xã LB, huyện BL Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thị trấn số 238/QĐ-UBND, hình thức cai nghiện ma tuý tại gia đình, điều trị bằng thuốc Methanol. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2024, chuyển tạm giam ngày 11/01/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Dạ T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trang Văn T, sinh ngày 15/10/1991; Nơi cư trú: xóm KC, xã NC, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 02/01/2024, Tổ công tác Công an huyện BL, Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tại xóm PĐ, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng thì phát hiện một người đàn ông đang điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, biển kiểm soát: 23M1-xxx theo hướng xóm KC, xã NC đi xóm PĐ, xã LB có biểu hiện nghi vấn về tội phạm ma túy, tổ công tác đã yêu cầu dừng xe và tiến hành kiểm tra. Người đàn ông có họ tên là Nông Văn T, trú tại: xóm NC, thị trấn PM, BL, Cao Bằng, kiểm tra trên tay trái của Nông Văn T đang cầm 01 gói được gói bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá: 1.000 đồng đã bị cắt nửa bên trong có 03 gói nhỏ được gói bằng giấy vở học sinh màu trắng, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng (nghi là heroin). Tổ công tác đã niêm phong toàn bộ số chất bột màu trắng (nghi là heroin); kiểm tra túi quần bên trái phía trước chiếc quần T đang mặc có một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA; một xilanh kim tiêm đã qua sử dụng; Kiểm tra chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã xác minh về nơi cư trú của Nông Văn T, T có hộ khẩu thường trú tại: xóm NC, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, nhưng T không có mặt tại địa phương mà đi làm thuê, không có nơi ở cố định nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL không tiến hành khám xét chỗ ở của T.

Ngày 02/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện BL tiến hành mở niêm phong và cân khối lượng số chất bột màu trắng nghi là heroin thu giữ khi bắt quả tang Nông Văn T, kết quả, có khối lượng là 0,26 gam, sau đó trích 0,05gam làm mẫu để trưng cầu giám định. Bản Kết luận giám định số 84/KL-KTHS ngày 09/01/2024 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cao Bằng, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma tuý, loại: Heroine (Heroin). Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Nông Văn T dương tính với chất ma túy trong cơ thể.

Tại cơ quan điều tra, Nông Văn T khai nhận như sau: Nông Văn T, là người nghiện ma túy, sáng ngày 02/01/2024, T sử dụng xe máy của Trang Văn T nhà ở xóm KC, xã NC, huyện BL, tỉnh Cao Bằng đi chở hồi thuê. Đến trưa cùng ngày, do có nhu cầu sử dụng ma tuý nên T đã điều khiển xe đi tìm mua ma tuý về sử dụng. Đến khu vực TM (thuộc xóm xóm KC, xã NC), T gặp một người thanh niên T không biết họ tên và hỏi người này về việc muốn tìm mua

heroin. Qua trao đổi, người này nói với T: "Đưa tiền đây tao đi mua cho" rồi T đưa cho người này số tiền 300.000 đồng. Người thanh niên này cầm tiền đi đâu đó khoảng 20 phút sau thì quay lại, đưa cho T 03 gói heroin gói bằng giấy vở học sinh màu trắng. Người đàn ông này đi đâu không rõ, còn T gói 03 gói heroin vừa mua được vào trong tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng đã bị cắt đôi. T cầm số heroin trên tay trái rồi điều khiển xe máy đi về, khi về đến xóm PĐ, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng thì thị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số heroin.

Đối với người đàn ông đi mua hộ heroin cho bị cáo T, bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL không có căn cứ mở rộng vụ án. Các vật chứng đã thu giữ được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSBL ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nên trên, bị cáo đồng ý với nội dung của Cáo trạng và đề nghị trả lại 01 điện thoại.

Đại diện Viện kiểmnhân dân huyện BL vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh, đề nghị tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; Về hình phạt, đề nghị áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; Điều 38, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Về vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong; 01 xi lanh; 01 tờ tiền 1.000 đồng bị cắt nửa do không có giá trị lưu hành; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động; trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trang Văn T 01 xe máy; Về án phí, tại phiên toà, bị cáo có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Nhất trí với tội danh, điểm, khoản Viện kiểm sát nhân dân huyện BL đã truy tố, luận tội đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, số lượng bị cáo tàng trữ ma tuý không lớn; bị cáo có bố được tặng thưởng Huân chương chiến công Hạng ba vì đã có niên hạn và thành tích trong công tác ở biên giới phía Bắc, góp phần xây dựng Quân đội, củng cố Quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là 01 năm tù; Về hình phạt bổ sung, đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo

nghiện ma tuý, không có việc làm ổn định, không có tài sản; Về vật chứng, đề nghị trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động; trả lại cho ông Trang Văn T 01 xe máy; Về án phí, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Bị cáo không bổ sung gì với lời bào chữa.

Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội của bản thân, mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hànhvi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hànhtố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào khoản 1, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ; Tại phiên toà bị cáo giao nộp đơn xin miễn án phí phù hợp với quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 61 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, Biên mở niêm phong và niêm phong lại đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào Hồi 13 giờ 30 phút ngày 02/01/2024, tại xóm PĐ, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng bị cáo Nông Văn T có hành vi tàng trữ 0,26 gam Heroin với mục đích sử dụng cho bản thân là bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 10/CT-VKSBL ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo là

người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, đã vi phạm pháp luật về phòng chống ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, cần thiết phải xử phạt nghiêm bị cáo.

[5] Nhân thân: Ngày 8/11/2019, bị Công an huyện BL xử phạt hành chính theo Quyết định số: 106/QĐ-XPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, phạt tiền 750.000 đồng; Ngày 06/10/2020, bị Uỷ ban nhân dân xã LB, huyện BL Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thị trấn số 238/QĐ-UBND, hình thức cai nghiện ma tuý tại gia đình, điều trị bằng thuốc Methanol, ngày 06/01/2021, bị cáo chấp hành xong quyết định; bị cáo nghiện ma tuý; Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị cáo có nhân thân xấu.

[6] Tình tiết tăng nặng: Không có;

[7] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ là ông Nông Văn Q được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công Hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt: Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Bị cáo phạm tội lần đầu, khối lượng bị cáo tàng trữ ma tuý không lớn và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chỉ cần xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

[9] Hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo nghiện ma tuý, không có tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

[10] Về vật chứng:

Đối với số ma tuý còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì thư là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm c, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

01 xilanh kim tiêm đã qua sử dụng, bị tịch thu, tiêu huỷ theo điểm c, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng đã bị cắt nửa, bị cáo đã sử dụng để gói ma tuý. Theo biên bản kiểm tra tiền ngày 18/3/2024, tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng đã bị cắt mất một nửa không có giá trị sử dụng và lưu hành nên cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA của bị cáo Nông Văn T, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên bị cáo có đề nghị được trả lại được chấp nhận;

01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, biển kiểm soát: 23M1-xxx là của ông Trang Văn T, ông Tân không biết bị cáo đã sử dụng xe máy để đi mua ma tuý về sử dụng, ông có đề nghị được trả lại là phù hợp, cần chấp nhận theo điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[11] Về những vấn đề khác: Đối với người đàn ông đi mua hộ heroin cho bị cáo T, bị cáo không biết rõ họ tên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL không đủ căn cứ mở rộng vụ án.

[12] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Nhưng xét đơn xin miễn án phí của bị cáo giao nộp tại phiên toà, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được miễn án phí theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] Các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL; đề nghị người bào chữa cho bị cáo tại phiên toà về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt, xử lý vật chứng, án phí đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02 tháng 01 năm 2024. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, c, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c, khoản 2, điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì thư, mặt trước ghi: "Vật chứng vụ Tàng trữ trái phép chất

ma tuý phát hiện ngày 02/01/2024 tại PĐ, LB, BL, Cao Băng", mặt sau phong bì có chữ ký của những người tham gia niêm phong, chữ ký của Nông Văn T và đóng dấu giáp lai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL, Cao Bằng;

+ 01 xilanh kim tiêm đã qua sử dụng.

+ 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá: 1.000 đồng đã bị cắt nửa.

- Trả lại cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Trả lại cho bị cáo Nông Văn T: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu xanh đen, loại điện thoại bàn phím bấm, số 1MEL 356107163689675, đã qua sử dụng;

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trang Văn T (sinh ngày 15/10/1991, nơi cư trú: xóm KC, xã NC, huyện BL, tỉnh Cao Bằng) 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, màu đỏ đen, Biển kiểm soát: 23M1-xxx, số khung: RLHHC09086YXXX, số máy: HC09E- XXX; tình trạng xe cũ nát đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu bên trái và bên phải, vỡ mất cánh yếm bên phải, không có hộp xích, không có đệm chân cao su bên trái, nắp trước tay lái bị vỡ nứt, chắn bùn bánh xe trước bị vỡ, xe có gắn giá chở hàng bằng sắt (kèm theo 01 chìa khoá xe). Xe không có giấy tờ đăng ký.

Xác nhận, các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 23 ngày 18/3/2024.

4. Về án phí hình sự: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Miễn án hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản bán, quyết định liên quan đến trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bán hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 LuậtThi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện BL;
- Công an huyện BL;
- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- VKSND Tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp Tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện BL;
- Chi cục THADS huyện BL;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim